

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ SƠN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HS-ST
Ngày 25 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Vân;
2. Ông Lâu Bá Chờ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Già Bá Lầu—Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Vương Quốc Khánh—Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 36/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2024 đối với:

1. **Bị cáo: Moong Văn P;** tên gọi khác: Không; sinh ngày 19/5/2007 tại xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: bản B1, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Khơ mú; giới tính Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Moong Văn C và bà Moong Thị C; vợ; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 17/9/2024 đến ngày 26/9/2024 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện đang tại ngoại; Có mặt.

2. **Bị cáo: Moong Văn T;** tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/9/1985 tại xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: bản B1, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Khơ mú; giới tính Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Moong Văn T1 và bà Cụt Thị E; có vợ: Lữ Thị N (Đã ly hôn) và 03 (Ba) con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/10/2024 đến nay, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

3. **Bị cáo: Phạm Thị HY;** tên gọi khác: Không; sinh ngày 09/01/1976 tại tỉnh Quảng Trị; nơi thường trú: x4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: bản C, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn G (Đã chết) và bà Hà Thị S; có chồng: Đào Văn H và 01 (Một)

con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/10/2024 đến nay, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo Moong Văn P: Ông Moong Văn C; sinh năm 1980; Nơi cư trú: bản B1, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Moong Văn P, Moong Văn T: Ông Lê Công Thiết—Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An; Có mặt.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Xuân T; sinh năm 1981; nơi cư trú: bản S, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt (Không có lý do).

2. Anh Lữ Văn I; sinh năm 1986; nơi cư trú: bản B1, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Lữ Văn L; sinh ngày 24/11/2009; nơi cư trú: bản B1, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

Đại diện hợp pháp cho người làm chứng Lữ Văn L: Ông Lữ Văn Đ; sinh năm 1989; nơi cư trú: bản B1, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

2. Chị Ngô Thị T; sinh năm 1989; nơi cư trú: K4, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ sáng, ngày 17/9/2024, Moong Văn P và Lữ Văn L, sinh ngày 24/11/2009 trú cùng bản B1, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An, sau khi uống rượu xong thì bàn bạc với nhau đi trộm tài sản tại bản S, xã T, huyện K để đem về bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do không có xe máy để đi và P biết được anh Lữ Hùng H, trú tại bản B1, xã T, huyện K hiện đang để 01 (Một) chiếc xe máy của bố Lữ Văn I tại sân nhà ông Moong Văn X, trú cùng bản B1, xã T, huyện K, nên P nói với L đến dắt trộm chiếc xe máy đó đưa lại cho P, còn P đứng chờ ở sân nhà Văn hoá bản B1, xã T, huyện K. Khi L dắt xe đến thì P tháo dây điện xe máy đó rồi nối lại và nổ máy chờ L đi lên ga ra sửa chữa ô tô của anh Nguyễn Xuân T, trú tại bản S, xã T, huyện K rồi dựng xe máy trộm được ở cạnh đường, sau đó P và L đi vào trong ga ra để trộm tài sản. Khi P và L đang tìm tài sản để trộm thì bị chủ nhà phát hiện nên P và L đã bỏ lại chiếc xe máy đã trộm rồi chạy trốn về nhà của anh Moong Văn N, trú tại bản B1, xã T, huyện K để ngủ.

Ngày 17/9/2024, anh Lữ Văn I, sinh năm 1986, trú tại bản B1, xã T, huyện K là cha đẻ của anh Lữ Hùng H, có đơn trình báo gửi đến Công an xã T, huyện K về việc ngày 17/9/2024 con trai anh là Lữ Hùng H có để 01 (một) chiếc xe máy nhãn

hiệu NAMOTOR, Biển kiểm soát 37AK-032.62 màu xanh bạc, tại sân nhà của anh Moong Văn X, trú cùng bản B1, xã T, huyện K, bị kẻ gian lấy trộm.

Sau khi tiến hành kiểm tra, xác minh, ngày 17/9/2024, Công an xã T, huyện K đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn để giải quyết theo thẩm quyền. Cùng ngày 17/9/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Moong Văn P, sinh ngày 19/5/2007 và mời đối tượng Lữ Văn L, sinh ngày 24/11/2009 trú tại bản B1, xã T, huyện K đến làm việc.

Kết luận định giá tài sản số: 05/KL-ĐGTS ngày 24/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Kỳ Sơn, kết luận: “01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu NAMOTOR, số loại RS50, số máy: RNA1P3FMBR02800, số khung: RL9BCBRUMMBG02800, BKS: 37AK-032.62, màu xanh bạc, xe đã qua sử dụng có giá là: 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Sơn, Moong Văn P và Lữ Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đối với Lữ Văn L, quá trình điều tra xác định được đối tượng này sinh ngày 24/11/2009 tính đến ngày 17/9/2024 (thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy có giá trị 8.200.000 đồng (Tám triệu, hai trăm nghìn) thuộc trường hợp phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, là loại tội phạm ít nghiêm trọng), lúc này L mới 14 tuổi 10 tháng 23 ngày. Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự thì L không phải chịu trách nhiệm hình sự về loại tội phạm ít nghiêm trọng. Do đó, cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn đã ra quyết định xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với Lữ Văn L.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn, Moong Văn P còn tự thú về hành vi trộm cắp tài sản mà bị can cùng đồng phạm đã thực hiện trước đó. Cụ thể như sau:

Vào khoảng tháng 7 năm 2024, lúc đó khoảng 23 giờ, Moong Văn P rủ Moong Văn T, sinh năm 1985 cùng trú tại bản B1, xã T, huyện K đi lên ga ra sửa chữa ô tô của anh Nguyễn Xuân T, trú tại bản S, xã T, huyện K để trộm tài sản thì T đồng ý. Sau đó, P lấy xe máy của gia đình mình chở T đi. Khi đi đến nơi, P dựng xe máy ở cạnh đường rồi cùng T đi vào trong ga ra sửa chữa xe ô tô của anh T, lấy trộm được 02 (Hai) bình ắc quy, kích thước khoảng 35x25x20cm, màu đen. Sau khi lấy trộm 02 (Hai) bình ắc quy trên thì P và T đã đem bán cho chị Phạm Thị HY, sinh năm 1976, trú tại bản C, xã T, huyện K được số tiền 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn); Số tiền này cả hai chia nhau mỗi người được 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn) và đã tiêu sài cá nhân hết. Phạm Thị HY, tuy không hứa hẹn trước, nhưng Y biết được 02 (hai) chiếc bình ắc quy trên là tài sản do trộm cắp mà có song vì hám lợi nên vẫn mua, sau đó bán lại cho Ngô Thị T, trú tại k4, thị trấn M, huyện K với giá 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn), thu lợi bất chính 300.000 đồng (Ba trăm nghìn).

Kết luận định giá tài sản số: 06/KL-ĐGTS ngày 03/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Kỳ Sơn, kết luận: “02 (Hai) bình ắc quy màu đen, hình vuông dài khoảng 35cm, cao khoảng 25cm, ắc quy cũ đã qua sử dụng, mỗi bình có giá 1.190.000 đồng (Một triệu một trăm chín mươi nghìn), tổng cả 02 (Hai) bình ắc quy là 2.380.000 đồng (Hai triệu ba trăm tám mươi nghìn).

Ngoài 02 (Hai) lần phạm tội trên, tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Sơn, Moong Văn P còn khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 10/2023 đến tháng 7/2024, Moong Văn P cùng các đối tượng khác đều trú tại bản B1, xã T, huyện K đã thực hiện thêm 06 (Sáu) lần hành vi trộm cắp tài sản đều tại ga ra sửa chữa ô tô của anh Nguyễn Xuân T, trú tại bản S, xã T, huyện K. Cụ thể:

Vào khoảng tháng 10/2023, Moong Văn P và Lữ Hùng H sinh năm 2008, lấy trộm 01 (Một) cái ắc quy màu đen; Vào khoảng tháng 3/2024, P cùng với Kha Văn T, sinh năm 2007 và Moong Văn Đ (K), sinh năm 2007, đã lấy trộm 01 (Một) chiếc ắc quy màu đen dài khoảng 60cm, cao khoảng 25cm; Cũng trong khoảng tháng 3/2024, P cùng với Tr và Đ (tên gọi khác là: Moong Văn K) tiếp tục lấy trộm 02 (Hai) cục lọc dầu ở tô và 01 (Một) cục tán mã phanh; Vào khoảng tháng 5/2024, P và Lữ Hùng H sinh năm 2008, lấy trộm 01 (Một) máy hàn màu xanh, có hai dây màu đen, mỗi dây dài khoảng 02m; Vào khoảng 7/2024, P cùng với Lữ Văn L, sinh năm 2009; Moong Văn C, sinh năm 2010, lấy trộm 01 (Một) Tủ băng; Cũng trong tháng 7/2024, P và Moong Văn T sinh năm 1985, lấy trộm 01 (Một) Lá răng lớp 9-10 và 01 (Một) trụ bi đỡ xích máy đào. Sau khi thực hiện thực hiện hành vi trộm cắp trên, thì các đối tượng đều đưa tài sản lấy trộm được bán cho Phạm Thị HY, sinh năm 1976, trú tại bản C, xã T, huyện K, với số tiền từ 150.000 đồng (Một trăm nghìn) đến 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn) và đã tiêu sài cá nhân hết. Quá trình làm việc với Moong Văn Đ (K), Kha Văn T, Lữ Hùng H, Lữ Văn L, Moong Văn C, Moong Văn T và Phạm Thị HY đều thừa nhận hành vi của mình. Tuy nhiên, trong cả 06 (sáu) lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản này thì mỗi lần đều thực hiện độc lập với nhau, tài sản trộm cắp của mỗi lần đều dưới 2.000.000 đồng (Hai triệu) và không thuộc các trường hợp khác để truy cứu trách nhiệm hình sự, nên hành vi của các đối tượng trên trong các lần này chưa cấu thành tội trộm cắp tài sản, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Sơn đã xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng trên.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Sơn, các bị can Moong Văn P, Moong Văn T và Phạm Thị HY đều thừa nhận hành phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị can phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng vụ án: Đối với 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu NAMOTOR, Biển kiểm soát 37AK-032.62 màu xanh bạc, hiện đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn đã trả lại cho đại diện của người bị hại là anh Lữ Văn I. Đối với 01 (một) máy hàn nhãn hiệu HYUDAI, màu xanh, có dây màu đen, mỗi dây dài khoảng 020mét và 01 (một) bình ắc quy màu đen, hình vuông dài khoảng 60 cm,

cao khoảng 25 cm, hiện đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Xuân T.

Cáo trạng số 37/CT-VKS-KS ngày 19/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn truy tố bị cáo Moong Văn P, Moong Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Thị HY về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 và các Điều 90, 91, 98, 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Moong Văn P mức án tù 10 (Mười) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 (Hai mươi) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Moong Văn T mức án tù 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị HY mức án tù 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Moong Văn P. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo Moong Văn T và Phạm Thị HY; miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Thị HY. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Lữ Văn I đã nhận lại tài sản là 01 (một) chiếc xe máy và anh Nguyễn Xuân T đã được bị cáo Phạm Thị HY tự nguyện bồi thường thiệt hại 7.000.000 đồng (Bảy triệu). Hiện những người bị hại trên không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không yêu cầu xem xét; Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra các bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét; Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, truy thu để nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) của bị cáo Phạm Thị HY là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội. Về án phí: Bị cáo Moong Văn P và Moong Văn T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở các xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Moong Văn P và Moong Văn T; Buộc bị cáo Phạm Thị HY phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo Moong Văn P và Moong Văn T trình bày: Về tội danh và điều luật áp dụng đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Moong Văn P và Moong Văn T là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, trình độ dân trí thấp, nhận thức pháp luật hạn chế. Hành vi của bị cáo Moong Văn P thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, sau khi bị bắt thì bị cáo tự thú về hành vi phạm tội trước đó của

mình; ngoài ra bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi; Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại Lữ Văn I có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Người bào chữa cho rằng, việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là chưa cần thiết, mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục và đề nghị xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất mà đại diện Viện Kiểm Sát đã đề nghị, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Moong Văn T và miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị hại Lữ Văn I, Nguyễn Xuân T vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên, quá trình điều tra bị hại Lữ Văn I đã nhận lại 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu NAMOTOR, Biển kiểm soát 37AK-032.62 màu xanh bạc; bị hại Nguyễn Xuân T đã nhận lại 01 (Một) máy hàn nhãn hiệu HYUDAI, màu xanh, có dây màu đen, mỗi dây dài khoảng 02 mét và 01 (Một) bình ắc quy màu đen, hình vuông dài khoảng 60 cm, cao khoảng 25 cm và đã được bị cáo Phạm Thị HY bồi thường số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu), các bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Bị hại Lữ Văn I có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Moong Văn P và Moong Văn T.

Tại phiên tòa, các bị cáo Moong Văn P, Moong Văn T và Phạm Thị HY đồng ý với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có tranh luận gì. Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến gì khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên; Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định pháp luật.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt các bị hại (bị hại Lữ Văn I có đơn xin vắng mặt), người làm chứng, tuy nhiên quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án. Do đó, sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo Moong Văn P, Moong Văn T và Phạm Thị HY đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Như vậy có đủ cơ sở kết

luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2024 đến tháng 9/2024, tại địa bàn xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An, Moong Văn P đã thực hiện 02 (Hai) vụ trộm cắp tài sản; Moong Văn T thực hiện 01 (Một) vụ trộm cắp tài sản nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể: Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 7/2024, vào khoảng 23 giờ, tại bản S, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An, Moong Văn P và Moong Văn T đã có hành vi lén lút lấy trộm 02 (Hai) bình ắc quy, kích thước khoảng 35x25x20cm, màu đen của anh Nguyễn Xuân T, trị giá 02 (Hai) bình ắc quy tại thời điểm bị mất trộm là 2.380.000 đồng (Hai triệu ba trăm tám mươi nghìn); lần thứ hai: Vào khoảng 02 giờ sáng, ngày 17/9/2024, tại bản B1, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An, Moong Văn P đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu NAMOTOR, Biển kiểm soát 37AK-032.62 màu xanh bạc, của anh Lữ Văn I, trị giá chiếc xe máy tại thời điểm bị mất trộm là 8.200.000 đồng (Tám triệu, hai trăm nghìn). Hành vi trên của các bị cáo Moong Văn P và Moong Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Phạm Thị HY là chủ cửa hàng buôn bán, tuy không hứa hẹn trước nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 7/2024, sau khi Moong Văn P và Moong Văn T trộm cắp được 02 (Hai) bình ắc quy, kích thước khoảng 35x25x20cm, màu đen của anh Nguyễn Xuân T thì đã đưa đến bán cho Phạm Thị HY. Phạm Thị HY biết 02 (Hai) bình ắc quy trên đều là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi nên vẫn mua với giá 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn), sau đó Phạm Thị HY bán lại cho Ngô Thị T với giá 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn), thu lợi bất chính 300.000 đồng (Ba trăm nghìn). Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Thị HY đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng truy tố các bị cáo Moong Văn P, Moong Văn T và Phạm Thị HY là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo Moong Văn P và Moong Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo Moong Văn T là người đã trưởng thành có đủ năng lực để nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động mà lại muốn có tiền tiêu xài nên đã cùng Moong Văn P thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này Moong Văn P và Moong Văn T là đồng phạm với nhau nên cần phân hóa vai trò của các bị cáo để lên cho mỗi bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Đối với bị cáo Moong Văn P là người thực hiện 02 (Hai) lần hành vi trộm cắp tài sản, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 10.580.000 đồng (Mười triệu, năm trăm tám mươi nghìn). Trong các lần trộm cắp tài sản thì bị cáo Moong Văn P

đều đóng vai trò là người khởi xướng, rủ rê các đồng phạm khác thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để xử lý nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các lần phạm tội của bị cáo đều là tội phạm ít nghiêm trọng, sau khi bị bắt thì bị cáo tự thú về hành vi phạm tội trước đó của mình; bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi (tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị phát hiện ngày 17/9/2024 bị cáo mới 17 tuổi 03 tháng 28 ngày), trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Moong Văn P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại Lữ Văn I có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy cần xét xử khoan hồng đối với bị cáo và áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và các Điều 90, 91, 98, 101 Bộ luật hình sự để tuyên cho bị cáo mức án không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

Đối với bị cáo Moong Văn T thực hiện 01 (Một) lần trộm cắp tài sản với trị giá tài sản chiếm đoạt được là 2.380.000 đồng (Hai triệu, ba trăm tám mươi nghìn). Trong vụ án này bị cáo Moong Văn T đóng vai trò là người thực hành cùng với bị cáo Moong Văn P thực hiện hành vi trộm cắp 02 (Hai) chiếc bình ắc quy của bị hại Nguyễn Xuân T. Tuy bị rủ rê, lôi kéo nhưng bị cáo cũng phạm tội một cách tích cực nên phải chịu trách nhiệm do chính hành vi của mình gây ra. Xét thấy bị cáo Moong Văn T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Moong Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại Lữ Văn I có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do đó có căn cứ để xét xử bị cáo Moong Văn T mức án thấp hơn so với bị cáo Moong Văn P. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Thị HY đã có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, hành vi đó của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, tiếp tay cho các đối tượng phạm tội, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương nên phải xử lý bị cáo nghiêm minh. Bị cáo Phạm Thị HY thực hiện tội phạm một cách độc lập nên phải chịu trách nhiệm do chính hành vi của mình gây ra. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị HY đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại. Nên xét thấy cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Hình sự về nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội thì phải đảm bảo lợi ích tốt nhất và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, xét bị cáo Moong Văn P (là người dưới 18 tuổi) và bị cáo Moong Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng

thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự để cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và răn đe, phòng ngừa chung. Bị cáo Phạm Thị HY có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội chỉ cần áp dụng thêm Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đủ nghiêm và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân đối với các bị cáo Moong Văn P, Moong Văn T và Phạm Thị HY là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về các đối tượng liên quan: Trong vụ án này có các đối tượng là Moong Văn Đoàn (Khăm), Kha Văn Trung, Lữ Hùng H, Lữ Văn L, Moong Văn Canh đã tham gia 06 (Sáu) lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với Moong Văn P, tuy nhiên mỗi lần đều thực hiện độc lập với nhau, tài sản trộm cắp của mỗi lần đều dưới 2.000.000 đồng (Hai triệu) và không thuộc các trường hợp khác để truy cứu trách nhiệm hình sự, nên hành vi của các đối tượng trên trong các lần này chưa cấu thành tội trộm cắp tài sản, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Sơn đã xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng trên là đúng quy định pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Moong Văn P là người dưới 18 tuổi phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo Moong Văn T hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo. Bị cáo Phạm Thị HY làm nghề tự do, buôn bán nhỏ lẻ không có thu nhập ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Lữ Văn I đã nhận lại tài sản là 01 (một) chiếc xe máy và anh Nguyễn Xuân T đã nhận lại tài sản và được bị cáo Phạm Thị HY tự nguyện bồi thường thiệt hại 7.000.000 đồng (Bảy triệu). Hiện các bị hại không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu NAMOTOR, Biển kiểm soát 37AK-032.62 màu xanh bạc, hiện đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn đã trả lại cho bị hại là anh Lữ Văn I. Đối với 01 (Một) máy hàn nhãn hiệu HYUDAI, màu xanh, có dây màu đen, mỗi dây dài khoảng 02 mét và 01 (Một) bình ắc quy màu đen, hình vuông dài khoảng 60 cm, cao khoảng 25 cm, hiện đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Xuân T theo đúng quy định của pháp luật.

[9] Về các biện pháp tư pháp: Truy thu để nộp Ngân sách Nhà nước đối với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) của bị cáo Phạm Thị HY là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội.

[10] Về án phí: Bị cáo Moong Văn P, Moong Văn T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở các xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn vì vậy thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Phạm Thị HY phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 và các Điều 90, 91, 98, 101 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Moong Văn P **10 (Mười)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **20 (Hai mươi)** tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/12/2024).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Moong Văn T **06 (Sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12 (Mười hai)** tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/12/2024).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị HY **06 (Sáu)** tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Moong Văn P, Moong Văn T và Phạm Thị HY cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Buộc bị cáo Phạm Thị HY phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xét thấy bị cáo Phạm Thị HY làm nghề tự do, buôn bán nhỏ lẻ không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

2. Về các biện pháp tư pháp: Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước đối với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) của bị cáo Phạm Thị HY là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội.

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Moong Văn P, Moong Văn T. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Thị HY phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/12/2024); bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- CQĐT Công an huyện Kỳ Sơn;
- CQTHAHS huyện Kỳ Sơn;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn;
- Bị cáo; đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Vi Thị Khuyên